



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 03 + 04

Ngày 01 tháng 01 năm 2020

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 02-12-2019- Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3
- 10-12-2019- Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hồ Chí Minh. 41

#### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

- 09-12-2019- Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản. 51

#### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

- 03-12-2019- Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản. 53

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

28-11-2019- Quyết định số 5086/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tích hợp, quản lý, vận hành, khai thác Kho dữ liệu dùng chung của thành phố.

56

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2019/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2019

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý  
trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm*

2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà ở và công sở;

Căn cứ Thông tư số 153/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục, nộp tiền phạt, biên lai thu tiền phạt và kinh phí từ ngân sách Nhà nước bảo đảm hoạt động của các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BTC ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, tạm ứng và hoàn trả chi phí cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 14787/TTr-SXD-TT ngày 15 tháng 11 năm 2019.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành:**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2019, thay thế Quyết định số 58/2013/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện:**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở-ban, ngành thành phố, Chánh Thanh tra Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban

---

nhân dân huyện - quận, xã - phường - thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

### Phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND  
ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

### Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, trách nhiệm quản lý, nhiệm vụ và mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (*sau đây gọi tắt là địa bàn Thành phố*); trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn Thành phố.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng; cơ quan, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm tham gia phối hợp trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn Thành phố theo quy định pháp luật.

#### Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Tất cả công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố phải được kiểm tra, giám sát từ khi khởi công đến khi hoàn thành và đưa vào sử dụng (trừ công trình bí mật Nhà nước; công trình an ninh, quốc phòng); mọi hành vi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý kiên quyết ngay từ khi mới phát sinh; mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định

của pháp luật.

2. Việc xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng phải đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, đúng quy định pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức và Nhân dân cùng tham gia giám sát.

3. Thông tin phản ánh về công trình vi phạm trật tự xây dựng đều phải được kiểm tra, xử lý theo quy định pháp luật, đảm bảo bí mật về thông tin cá nhân và các thông tin có liên quan đến người cung cấp thông tin về công trình vi phạm trật tự xây dựng.

4. Việc kiểm tra, xử lý các vi phạm trong hoạt động xây dựng là trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện - quận (*sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện*), Ủy ban nhân dân xã - phường - thị trấn (*sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã*). Thanh tra Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thanh tra, kiểm tra các công trình xây dựng lớn, đặc thù, phức tạp và thanh tra công tác quản lý trật tự xây dựng tại các huyện - quận.

5. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng nhưng thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ, buông lỏng quản lý hoặc có dấu hiệu tiếp tay, bao che cho các hành vi vi phạm trật tự xây dựng thì tùy theo tính chất, mức độ sai phạm bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật; trường hợp gây thiệt hại vật chất phải bồi thường theo quy định.

#### **Điều 4. Nguyên tắc công khai, minh bạch**

1. Giấy phép xây dựng và các văn bản về xử phạt vi phạm hành chính (Biên bản, Quyết định, Thông báo và văn bản khác) phải được niêm yết công khai tại công trình vi phạm và tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình xây dựng; thời gian niêm yết đến khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng; đồng thời, các văn bản về xử phạt vi phạm hành chính phải được gửi/giao đến tổ chức/cá nhân vi phạm theo quy định pháp luật.

2. Chủ đầu tư và các cá nhân, đơn vị, nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng có hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng phải bị xử phạt vi phạm hành chính và công bố công khai hành vi vi phạm trên Trang tin thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (*sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân thành*

*phố*) và Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật.

3. Trường hợp xử lý công trình vi phạm theo thông tin phản ánh của các tổ chức hoặc cá nhân chuyển đến thì phải thông báo kết quả xử lý đến tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin để biết và cùng tham gia giám sát.

#### **Điều 5. Nguyên tắc phối hợp**

1. Quan hệ phối hợp phải đồng bộ, thống nhất, đúng quy định pháp luật, đảm bảo kịp thời trong quá trình kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình phối hợp phải thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, không chồng chéo, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải được bàn bạc, thống nhất trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật quy định và nhiệm vụ được phân công tại Quy chế này. Trường hợp không thống nhất được hướng giải quyết, Sở Xây dựng có trách nhiệm báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

3. Đội Thanh tra địa bàn (Thanh tra Sở Xây dựng đóng trên địa bàn huyện - quận) chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Thanh tra Sở Xây dựng về tổ chức, nhân sự, chuyên môn và thực hiện công tác phối hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn phụ trách (khi có Quyết định thành lập thí điểm Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện - quận sẽ điều chỉnh cho phù hợp).

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc chỉ đạo, quản lý, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn.

5. Thanh tra Sở Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với Đội Thanh tra địa bàn hoặc tham mưu Sở Xây dựng hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong công tác quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng.

6. Các Sở-ban, ngành thành phố liên quan đến công tác quản lý trật tự xây dựng có trách nhiệm tham gia phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị do pháp

luật quy định và do Ủy ban nhân dân thành phố phân công.

7. Các cơ quan có thẩm quyền khi cấp giấy phép xây dựng hoặc phê duyệt dự án có trách nhiệm gửi một bản giấy phép xây dựng (không kèm bản vẽ) hoặc quyết định phê duyệt dự án đến các cơ quan, đơn vị gồm: Thanh tra Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi công trình xây dựng để có kế hoạch phối hợp kiểm tra, giám sát hoặc theo dõi.

## **Chương II**

### **TRÁCH NHIỆM, NHIỆM VỤ**

### **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRẬT TỰ XÂY DỰNG**

#### **Điều 6. Trách nhiệm, nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng của Sở Xây dựng**

##### **1. Nhiệm vụ của Sở Xây dựng**

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, điều hành chung công tác quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố; nắm bắt tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố những biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời.

b) Kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng theo thẩm quyền; tổ chức tập huấn, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác cấp giấy phép xây dựng, công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố.

c) Thông tin kết quả cấp giấy phép xây dựng, kết quả xử lý vi phạm đối với các công trình do Sở Xây dựng cấp phép đến Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình được cấp phép để phối hợp quản lý (thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có thông tin kết quả cấp giấy phép xây dựng hoặc kết quả xử lý công trình vi phạm).

d) Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện về các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn để thực hiện kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền; đồng thời, đôn đốc việc xử lý các trường hợp vi phạm nêu trên.

đ) Giám sát, kiểm tra lại việc xử lý các hành vi vi phạm đã được thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này và có toàn

quyền kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện nếu lực lượng chức năng của Ủy ban nhân dân cấp huyện buông lỏng quản lý, không xử lý kịp thời. Đồng thời, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân có liên quan buông lỏng quản lý, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng nhưng không được kiểm tra, xử lý theo quy định.

e) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác tuyên truyền, vận động hướng dẫn các tổ chức và người dân chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng trên địa bàn. Phối hợp với Sở Thông tin - Truyền thông và các cơ quan truyền thông của thành phố trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xây dựng trên địa bàn Thành phố.

g) Định kỳ 03 tháng, tổ chức giao ban công tác quản lý trật tự xây dựng với Ủy ban nhân dân huyện - quận để tổng hợp tình hình, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố.

h) Chỉ đạo Thanh tra Sở Xây dựng trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác quản lý trật tự xây dựng theo quy định của pháp luật và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

i) Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng về tên tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính, nội dung vi phạm, hình thức xử phạt, việc khắc phục hậu quả đối với trường hợp vi phạm trật tự xây dựng theo quy định pháp luật.

## 2. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Xây dựng

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố; Chỉ đạo các bộ phận, cá nhân thuộc quyền quản lý thực hiện các nhiệm vụ tại Khoản 1 Điều này.

b) Báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố các biện pháp để chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố.

c) Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xử lý trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, cá nhân được phân công quản lý trật tự xây dựng buông lỏng quản lý, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi

công vụ.

d) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính (*sau đây gọi chung là xử phạt vi phạm hành chính*) trong trường hợp vượt thẩm quyền của Chánh Thanh tra Sở Xây dựng.

đ) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Thanh tra Sở Xây dựng trong công tác quản lý trật tự xây dựng; xử lý các cán bộ, công chức dưới quyền không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

## **Điều 7. Trách nhiệm, nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng của Thanh tra Sở Xây dựng**

### **1. Nhiệm vụ của Thanh tra Sở Xây dựng**

a) Giúp Giám đốc Sở Xây dựng trong việc quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố và kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Đội Thanh tra địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Giám đốc Sở Xây dựng về tình hình quản lý trật tự xây dựng thuộc thẩm quyền phụ trách.

b) Tổ chức kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng theo thẩm quyền.

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát, kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất các kết quả kiểm tra, hồ sơ xử lý vi phạm của các Đội Thanh tra địa bàn để kịp thời phát hiện, hướng dẫn và đôn đốc các Đội Thanh tra địa bàn khắc phục các sai phạm, tồn tại trong quá trình kiểm tra, lập hồ sơ xử lý vi phạm trật tự xây dựng; xử lý trách nhiệm công chức Thanh tra Sở do thiếu trách nhiệm để xảy ra các sai phạm.

d) Tham mưu xây dựng kế hoạch, tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác quản lý trật tự xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo định kỳ và đột xuất.

đ) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố.

e) Chỉ đạo, đôn đốc Đội Thanh tra địa bàn tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn, tham mưu đề xuất các giải pháp quản lý đảm bảo hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý trật tự xây dựng.

g) Giúp Giám đốc Sở Xây dựng tổng kê, tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố.

## 2. Trách nhiệm của Chánh Thanh tra Sở Xây dựng

a) Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Sở Xây dựng về công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố; Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Giám đốc Sở Xây dựng về tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố.

b) Chỉ đạo các bộ phận, cá nhân thuộc quyền quản lý thực hiện các nhiệm vụ tại Khoản 1 Điều này.

c) Có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn, kiến nghị Giám đốc Sở Xây dựng báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố những biện pháp chấn chỉnh, khắc phục.

d) Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố trong việc thực thi công vụ; đề xuất Giám đốc Sở Xây dựng kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xử lý trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, cá nhân được phân công quản lý trật tự xây dựng buông lỏng quản lý, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ.

đ) Tham mưu Giám đốc Sở Xây dựng đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, xử lý trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm trong thực thi công vụ, để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý.

e) Thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo Luật Xử lý vi phạm hành chính và các quy định khác có liên quan.

g) Tham mưu Giám đốc Sở Xây dựng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp vượt thẩm quyền của Chánh Thanh tra Sở Xây dựng; rà soát hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển đến, tham mưu Giám đốc Sở Xây dựng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp vượt thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Điều 8. Trách nhiệm, nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

## 1. Nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

b) Kiểm tra, đôn đốc Đội Thanh tra địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý trật tự xây dựng.

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tăng cường công tác quản lý Nhà nước, thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp xây dựng công trình vi phạm hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch, đầm, hồ công cộng và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn Thành phố theo quy định pháp luật.

d) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc phối hợp chặt chẽ với Đội Thanh tra địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

đ) Xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền do Đội Thanh tra địa bàn hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản vi phạm hành chính trong trường hợp vượt quá thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời ngăn chặn đối với các công trình vi phạm trật tự xây dựng, không để hành vi vi phạm tiếp diễn sau khi đã có biên bản vi phạm hành chính hoặc quyết định xử phạt của cấp có thẩm quyền.

g) Tổ chức thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng trên địa bàn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

h) Lập phương án cưỡng chế tháo dỡ công trình, bộ phận công trình vi phạm trật tự xây dựng theo quy định, chuyển Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt (đối với quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành) hoặc Sở Xây dựng phê duyệt (đối với quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành); phê duyệt phương án cưỡng chế tháo dỡ

công trình, bộ phận công trình vi phạm trật tự xây dựng theo quy định (đối với quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành).

Sau khi nhận được phương án tháo dỡ công trình, bộ phận công trình vi phạm trật tự xây dựng đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tổ chức cưỡng chế tháo dỡ công trình, bộ phận công trình vi phạm trật tự xây dựng theo quy định. Hàng năm, căn cứ kết quả thu chi liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính và đánh giá khả năng thực hiện năm hiện hành, lập dự toán chi tổ chức cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm và đảm bảo hoạt động của các lực lượng xử phạt theo quy định của Bộ Tài chính, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố bố trí dự toán theo quy định.

i) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện việc tuyên truyền, vận động hướng dẫn các tổ chức và nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về xây dựng trên địa bàn.

k) Kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng của cấp có thẩm quyền đối với các công trình xây dựng trên địa bàn.

l) Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo đề nghị của Sở Xây dựng và các cơ quan thanh tra, kiểm tra để phục vụ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

m) Cử cán bộ tham gia các hoạt động phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm về trật tự xây dựng và giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

n) Xem xét, xử lý trách nhiệm các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý có hành vi buông lỏng, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng nhưng không kịp thời kiểm tra, xử lý theo quy định.

o) Thực hiện việc phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội cấp huyện, cấp xã trong hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan đến xây dựng, đất đai và thực hiện công tác phối hợp, phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm về trật tự xây dựng theo quy định.

p) Chủ động phối hợp với các Sở, ngành có liên quan rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng

đất, quy hoạch xây dựng, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

q) Công khai, minh bạch các thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép xây dựng; chấn chỉnh công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép.

r) Chủ động cung cấp thông tin, phối hợp với cơ quan Công an để có biện pháp xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm đến mức phải xử lý hình sự theo quy định pháp luật. Có cơ chế định kỳ trao đổi với cơ quan Công an về tình hình các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng để có biện pháp phối hợp kiểm tra, ngăn chặn, xử lý kịp thời.

s) Thống kê, báo cáo theo định kỳ (03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, 01 năm) hoặc đột xuất về tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Xây dựng.

## 2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn.

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý thực hiện các nhiệm vụ tại Khoản 1 Điều này.

c) Kiểm tra, đôn đốc, giám sát Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong thực hiện quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn; xem xét trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cán bộ, công chức dưới quyền không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng.

d) Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các quy định khác có liên quan.

đ) Hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng trong trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (thông qua Sở Xây dựng).

e) Tổ chức thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan tham mưu, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện quyết định xử phạt vi

phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Đề xuất Giám đốc Sở Xây dựng kiểm tra, xử lý trách nhiệm đối với Đội Thanh tra địa bàn trong trường hợp buông lỏng địa bàn quản lý để công trình vi phạm trật tự xây dựng không được kiểm tra, xử lý theo quy định.

h) Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố các giải pháp phù hợp thực tế địa phương nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

### **Điều 9. Trách nhiệm, nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp xã**

#### 1. Nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo thẩm quyền được phân công.

b) Chủ trì, phối hợp với Đội Thanh tra địa bàn, các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức trong hệ thống chính trị ở địa phương thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về xây dựng, vận động và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chấp hành quy định của pháp luật về trật tự xây dựng trên địa bàn.

c) Chỉ đạo, điều hành trực tiếp công chức được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình xây dựng, kịp thời phát hiện, lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính theo quy định và theo thẩm quyền được phân công.

d) Lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; kịp thời chuyển hồ sơ và kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để xử lý đối với các trường hợp vượt thẩm quyền; tổ chức thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền và theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

đ) Thường xuyên theo dõi, giám sát việc ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm. Trường hợp chủ đầu tư không ngừng thi công thì áp dụng các biện pháp hành chính thực hiện cưỡng chế buộc ngừng thi công xây dựng công trình theo quy định; tránh trường hợp công trình vi phạm đang bị xử lý mà tiếp tục thi công, hoàn thiện và đưa vào sử dụng; thực hiện các biện pháp ngăn chặn không để người dân vào ở khi

công trình vi phạm đang bị xử lý theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về xử phạt vi phạm hành chính.

e) Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu, hồ sơ vi phạm theo đề nghị của Thanh tra Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện để phục vụ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và cử cán bộ tham gia phối hợp khi có yêu cầu.

g) Thường xuyên rà soát, thẩm định, xác nhận nhu cầu nhà ở thực tế của người dân địa phương, đồng thời có đánh giá việc sử dụng đất của các đối tượng từ địa phương khác.

h) Tổ chức cắm ranh, mốc, biển cấm xây dựng tại khu vực không được phép xây dựng, đồng thời cung cấp thông tin cho người dân về các khu vực được phép xây dựng; công khai thủ tục hành chính theo quy định pháp luật.

i) Thống kê, thực hiện công tác báo cáo về tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

## 2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai trên địa bàn theo thẩm quyền được phân công.

b) Chỉ đạo các bộ phận, cá nhân thuộc quyền quản lý thực hiện các nhiệm vụ tại Khoản 1 Điều này.

c) Kiểm tra, giám sát tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn; thực hiện thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các quy định khác có liên quan; ban hành và tổ chức thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp vượt thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp vượt thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

đ) Xử lý hoặc kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, xử lý trách nhiệm đối với cán bộ, công chức dưới quyền không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng.

e) Chịu trách nhiệm chính đối với các hoạt động xây dựng trên đất không được phép xây dựng theo quy định pháp luật. Trong trường hợp phát sinh vi phạm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo công chức địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn), công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã) chủ trì, phối hợp với Đội Thanh tra địa bàn và các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, lập hồ sơ xử phạt vi phạm theo quy định pháp luật (tại quy chế này gọi tắt là *công chức địa chính cấp xã*).

g) Khi phát hiện công trình xây dựng vi phạm thuộc trách nhiệm kiểm tra, xử lý của Đội Thanh tra địa bàn mà Đội Thanh tra địa bàn buông lỏng, không kịp thời xử lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản gửi Chánh Thanh tra Sở Xây dựng để kịp thời chỉ đạo xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng và đề nghị kiểm tra, làm rõ trách nhiệm của cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định.

### **Điều 10. Trách nhiệm, nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng của Đội Thanh tra địa bàn huyện - quận**

1. Đội trưởng Đội Thanh tra địa bàn chịu trách nhiệm chính trước Chánh Thanh tra Sở Xây dựng về toàn bộ hoạt động của Đội Thanh tra địa bàn và tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn được phân công.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát các công trình xây dựng trên địa bàn; phát hiện, lập hồ sơ xử lý các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng theo quy định của pháp luật; đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra và lập biên bản kiểm tra kết thúc công trình khi đã hoàn thiện đưa vào sử dụng theo quy định.

3. Được quyền yêu cầu/đề nghị các cơ quan quản lý Nhà nước cung cấp các tài liệu, hồ sơ liên quan đến quy hoạch, giấy phép xây dựng và các tài liệu liên quan khác để phục vụ cho công tác kiểm tra; yêu cầu các chủ đầu tư xuất trình giấy phép xây dựng, các tài liệu liên quan đến việc xây dựng công trình.

4. Thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và của Chánh Thanh tra Sở Xây dựng.

5. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong trường hợp buông lỏng, thiếu trách nhiệm trong thực thi công vụ, để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã mà không được kiểm tra, xử lý đúng quy định.

#### **Điều 11. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, thanh tra viên được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng**

1. Thường xuyên tuần tra, kiểm tra, phát hiện và báo cáo kịp thời những vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn được giao quản lý; kịp thời lập hồ sơ, xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc kiến nghị, phối hợp cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử phạt vi phạm trật tự xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Chịu trách nhiệm về những vi phạm trong quản lý trật tự xây dựng theo thẩm quyền được giao; tùy theo tính chất, mức độ sai phạm bị xử lý theo các quy định của pháp luật.

#### **Điều 12. Nhiệm vụ của cơ quan Công an**

1. Công an thành phố, Công an huyện - quận, xã - phường - thị trấn theo phân cấp quản lý của ngành có nhiệm vụ:

a) Tham gia vào công tác nắm tình hình, phản ánh kịp thời và báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp về các vi phạm trật tự xây dựng.

b) Xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho các lực lượng tham gia xử lý, cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng.

c) Tổ chức điều tra, xử lý các hành vi vi phạm trật tự xây dựng nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn quản lý theo quy định.

d) Triển khai các biện pháp nghiệp vụ nhằm phát hiện các vụ việc có dấu hiệu hình sự để điều tra, xác minh kịp thời, khởi tố khi có căn cứ; tập trung vào các vụ việc có dấu hiệu đùn đẩy, nhận, môi giới hối lộ, vi phạm quy định về quản lý, sử dụng đất đai, xây dựng không phép, sai phép, nhất là các vụ việc liên quan đến các đối tượng

đầu nậu tổ chức thực hiện; các đối tượng móc nối với cán bộ, công chức có trách nhiệm để được bảo kê, làm ngơ cho các hoạt động vi phạm pháp luật.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp giao trong việc ngăn chặn và xử lý các công trình vi phạm trật tự xây dựng.

e) Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, cấp sổ tạm trú cho công dân tại địa chỉ có công trình vi phạm trật tự xây dựng thì phải đối chiếu quy định của Luật Cư trú và các quy định có liên quan để xem xét, tạm dừng giải quyết theo quy định pháp luật, chỉ giải quyết sau khi đã chấp hành xong quyết định xử phạt của cơ quan có thẩm quyền.

g) Nâng cao chất lượng công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin nhắn về tội phạm và kiến nghị khởi tố trong lĩnh vực đất đai, xây dựng theo quy định.

2. Công an thành phố tăng cường phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác quản lý trật tự xây dựng theo chức năng quản lý Nhà nước về an ninh trật tự; phối hợp, trao đổi thông tin với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện để có biện pháp xử lý những cá nhân, tổ chức vi phạm đến mức phải xử lý hình sự theo quy định pháp luật.

### 3. Công an huyện - quận, xã - phường - thị trấn:

a) Phối hợp với Đội Thanh tra địa bàn và các cơ quan, đơn vị có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời ngăn chặn, xử lý đối với các công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng, không để vi phạm tiếp diễn sau khi đã có biên bản vi phạm hành chính hoặc quyết định xử phạt của các cấp có thẩm quyền, đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

b) Rà soát các tổ chức, cá nhân đã bị xử lý vi phạm hành chính liên quan đến vi phạm về đất đai, xây dựng không phép, sai phép làm cơ sở để xử lý hình sự.

c) Hỗ trợ các cơ quan chức năng xác minh nhân thân lai lịch của đối tượng có hành vi vi phạm về đất đai, xây dựng để phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

## **Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố và Chi nhánh 24 huyện - quận**

1. Cung cấp thông tin phối hợp theo yêu cầu; xem xét tạm dừng việc giao đất,

cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đề nghị bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Chánh Thanh tra Sở Xây dựng tại các địa chỉ có công trình vi phạm trật tự xây dựng cho các cá nhân, tổ chức trong trường hợp công trình chưa hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng theo quy định; công trình chưa chấm dứt hành vi vi phạm, chưa chấp hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính và chưa thực hiện xong các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm trật tự xây dựng gây ra.

2. Rà soát các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn các quận ven và huyện ngoại thành để tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ chỉ tiêu đất nông nghiệp trên địa bàn huyện - quận cho phù hợp với tình hình dân số và tốc độ đô thị hóa của từng địa phương.

3. Trong quá trình giải quyết các thủ tục liên quan đến việc chứng nhận tài sản gắn liền trên đất, nếu phát hiện các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng thì chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xử phạt vi phạm theo quy định pháp luật.

4. Tổ chức tiếp nhận và cập nhật thông tin các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm trật tự xây dựng từ các cơ quan có thẩm quyền về quản lý trật tự xây dựng chuyển đến để thực hiện công tác cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình theo thẩm quyền.

5. Phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất để xây dựng công trình theo đúng quy định pháp luật về đất đai.

6. Chủ động phối hợp, trao đổi thông tin với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan Công an các cấp để có biện pháp kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về đất đai, tránh để phát sinh các hậu quả lớn, gây ảnh hưởng đến trật tự xã hội.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của Sở Quy hoạch - Kiến trúc**

1. Xây dựng quy trình, giải pháp đảm bảo nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng theo quy định

2. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện - quận rà soát các đồ án quy hoạch phân khu (hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000) không phù hợp

thực tế, thiếu tính khả thi; các khu vực đã có quy hoạch chi tiết 1/500 (hoặc quy hoạch tổng mặt bằng) được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc thỏa thuận để cập nhật, bổ sung vào các đồ án quy hoạch phân khu (hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000) cho phù hợp; khẩn trương hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện - quận trong việc lập, ban hành các Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị đủ điều kiện để có cơ sở cấp giấy phép xây dựng theo đúng quy định pháp luật.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện - quận xác định chỉ giới đường đỏ theo đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 đã được phê duyệt và công bố, để trình đề án, kế hoạch tổ chức và triển khai cắm mốc giới theo quy định; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch thực hiện đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 theo quy định.

### **Điều 15. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

1. Định kỳ hàng tháng cung cấp danh sách các doanh nghiệp và các đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đăng ký thành lập mới hoặc thay đổi trụ sở trên địa bàn cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để tiến hành kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các trường hợp doanh nghiệp có hành vi vi phạm về đăng ký trụ sở.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu doanh nghiệp đăng ký lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm về kê khai không trung thực, không chính xác nội dung đăng ký doanh nghiệp về trụ sở.

### **Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tư pháp**

1. Hằng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; trong đó có nội dung phổ biến pháp luật về xây dựng; phối hợp Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyên truyền pháp luật về xây dựng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn Thành phố.

2. Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành liên quan đến công tác quản lý trật tự xây dựng, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới, bảo đảm tính thống nhất giữa các quy định của văn bản Trung ương và

văn bản của thành phố; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo xử lý.

3. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý nghiêm Thừa phát lại, Văn phòng Thừa phát lại lập vi bằng trái quy định pháp luật; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tính pháp lý của vi bằng do tổ chức Thừa phát lại lập để hiểu và tuân thủ quy định pháp luật.

4. Thực hiện công tác hướng dẫn, quán triệt, nhắc nhở các tổ chức hành nghề công chứng không thực hiện công chứng trái quy định pháp luật, không thực hiện chứng nhận giao dịch, chuyển nhượng đối với các công trình vi phạm trật tự xây dựng mà chưa chấm dứt hành vi vi phạm, chưa chấp hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính và chưa thực hiện xong các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm trật tự xây dựng gây ra.

5. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đề đề xuất giải pháp chế tài nhằm nâng cao hiệu lực quản lý về trật tự xây dựng, như: các biện pháp, giải pháp ngăn chặn hành vi vi phạm trật tự xây dựng; không/tạm ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với các công trình vi phạm trật tự xây dựng; chưa cho xuất cảnh đối với các cá nhân, đại diện theo pháp luật của các tổ chức khi đang có nghĩa vụ chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; các giải pháp cưỡng chế, xử lý nhanh đối với công trình xây dựng không phép không đủ điều kiện cấp phép; các giải pháp cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản của đối tượng vi phạm; việc xử lý hình sự đối với các vi phạm về trật tự xây dựng.

### **Điều 17. Trách nhiệm của Sở Nội vụ**

1. Tăng cường kiểm tra công tác cải cách thủ tục hành chính, giải quyết các thủ tục hành chính và hoạt động công vụ liên quan đến lĩnh vực cấp giấy phép xây dựng tại Ủy ban nhân dân cấp huyện; việc thực hiện công vụ và ý thức tổ chức kỷ luật, quy tắc ứng xử, chấp hành nội quy cơ quan của cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng theo quy định. Xem xét, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xử lý trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện - quận, xã - phường - thị trấn để xảy ra vi phạm nghiêm trọng về quản lý trật tự xây dựng tại địa phương.

2. Chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố rà soát, kiện toàn tổ chức, biên chế, chức năng, nhiệm vụ của lực lượng làm công tác quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố để đảm bảo hiệu quả trong hoạt động quản lý ở các lĩnh vực được giao.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp cho lực lượng làm công tác quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng.

### **Điều 18. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện - quận tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về kinh phí tổ chức cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chánh Thanh tra Sở Xây dựng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện - quận.

2. Nghiên cứu đề xuất phương án tạm ứng kinh phí để Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng theo quy định.

### **Điều 19. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Chỉ đạo Trung tâm báo chí của thành phố và phối hợp với các đài truyền hình, truyền thanh (đặc biệt là Đài truyền hình thành phố và Đài tiếng nói nhân dân thành phố) tuyên truyền, nâng cao ý thức, nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện pháp luật về xây dựng và trật tự xây dựng; tuyên truyền vận động nhân dân tham gia giám sát, phát hiện, phản ánh để xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trật tự xây dựng, góp phần thực hiện nghiêm kỷ cương pháp luật về trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố.

2. Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện - quận xây dựng phần mềm trực tuyến về quản lý xây dựng trên địa bàn Thành phố, tạo sự liên thông từ công tác quy hoạch (kiến trúc, đất đai), cấp phép, kiểm tra, xử lý, nghiệm thu hoàn thành và cấp giấy chứng nhận đối với công trình xây dựng.

### **Điều 20. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ**

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài

nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện - quận nghiên cứu, xây dựng Đề án về ứng dụng công nghệ viễn thám (GIS) trong công tác quản lý đất đai, quy hoạch, xây dựng trên địa bàn Thành phố.

### **Điều 21. Trách nhiệm của Ban quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố**

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về công tác quản lý Nhà nước về xây dựng trong phạm vi được giao phụ trách, theo phân cấp quản lý và quy định của pháp luật.

2. Định kỳ hoặc đột xuất chủ động lập kế hoạch kiểm tra tình hình xây dựng; kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính khi phát hiện công trình vi phạm trật tự xây dựng trong phạm vi địa bàn được giao phụ trách, chuyển Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Tăng cường công tác phối hợp với Thanh tra Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong kiểm tra, ngăn chặn, xử lý vi phạm trật tự xây dựng theo quy định.

### **Điều 22. Trách nhiệm của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố; Ban Quản lý Phát triển đô thị thành phố**

1. Khi phát hiện công trình vi phạm trật tự xây dựng thuộc địa bàn được giao nhiệm vụ quản lý thì kịp thời thông báo cho Đội Thanh tra địa bàn thuộc Thanh tra Sở Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình vi phạm để kiểm tra, xử lý theo quy định.

2. Tham gia phối hợp với Thanh tra Sở Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong kiểm tra, xử phạt hành vi vi phạm trật tự xây dựng theo kế hoạch kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của các đơn vị chủ trì kiểm tra.

### **Điều 23. Trách nhiệm của các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước**

1. Các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước trên địa bàn Thành phố xem xét thực hiện phương án không ký hợp đồng cung cấp dịch vụ điện, nước hoặc xem xét thu

hồi đồng hồ điện, nước đối với các công trình vi phạm trật tự xây dựng (đặc biệt là các công trình xây dựng trên đất không được phép xây dựng; xây dựng không có giấy phép xây dựng theo quy định; công trình từ 01 giấy phép xây dựng nhưng cố tình xây dựng sai phép thành nhiều căn và mua bán dưới hình thức lập vi bằng; công trình được cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ nhưng xây dựng thành nhà kho, xưởng).

2. Xử lý các tổ chức, cá nhân tự ý đấu nối, cung cấp lại dịch vụ điện, nước cho công trình vi phạm trật tự xây dựng.

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình tổ chức cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng khi có yêu cầu.

#### **Điều 24. Trách nhiệm của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố**

Các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài khoản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế hiện đang mở tài khoản tại tổ chức tín dụng của mình khi có yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản; đồng thời, có trách nhiệm trích chuyển từ tài khoản tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế vào ngân sách Nhà nước qua tài khoản của Kho bạc Nhà nước số tiền mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải nộp theo quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản.

#### **Điều 25. Trách nhiệm của chủ đầu tư**

1. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng, chấp hành các yêu cầu trong biên bản vi phạm hành chính hoặc văn bản yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

3. Chấp hành các quyết định xử phạt vi phạm trật tự xây dựng; chịu toàn bộ chi phí tổ chức cưỡng chế trong trường hợp bị cưỡng chế thi hành.

4. Bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra; bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự trong trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng.

5. Trường hợp không chấp hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư bị xem xét thu hồi giấy phép xây dựng theo quy định.

6. Đối với các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội, ngoài việc bị áp dụng các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định, tên tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính, nội dung vi phạm, hình thức xử phạt, việc khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính này, tùy vào từng trường hợp cụ thể còn phải được công bố trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng hoặc của Ủy ban nhân dân thành phố.

7. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 26. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng**

1. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng khi đã có yêu cầu ngưng thi công xây dựng của cơ quan có thẩm quyền; chấp hành các yêu cầu trong thông báo, quyết định xử phạt của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp không chấp hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nhà thầu thi công xây dựng bị xem xét tước chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo quy định.

3. Bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

4. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 27. Trách nhiệm của nhà thầu tư vấn thiết kế**

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc thiết kế xây dựng công trình.

2. Thiết kế công trình phù hợp quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thực hiện giám sát tác giả thiết kế xây dựng trong quá trình thi công xây dựng công trình; trong quá trình thực hiện giám sát tác giả thiết kế xây dựng theo quy định, nếu phát hiện công trình xây dựng sai thiết kế đã được cơ quan quản lý Nhà nước thẩm định, phê duyệt thì kịp thời báo cáo Thanh tra Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã để kiểm tra xử lý theo quy định.

4. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 28. Trách nhiệm của nhà thầu tư vấn giám sát**

1. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật về xây dựng.

2. Giám sát việc thi công xây dựng công trình theo giấy phép xây dựng, theo quy hoạch xây dựng, theo thiết kế đã được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Khi phát hiện có vi phạm trật tự xây dựng tại công trình do mình giám sát, ngoài việc kịp thời đề xuất chủ đầu tư có biện pháp khắc phục vi phạm, nhà thầu tư vấn giám sát có trách nhiệm gửi văn bản đến Thanh tra Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình vi phạm để thông báo về tình hình vi phạm trật tự xây dựng.

3. Trường hợp không chấp hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nhà thầu tư vấn giám sát bị xem xét tước chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo quy định.

4. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC TIẾP NHẬN, XỬ LÝ THÔNG TIN PHẢN ÁNH CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ TRẬT TỰ XÂY DỰNG**

### **Điều 29. Phản ánh thông tin**

1. Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng đều có quyền phản ánh thông tin đến các cơ quan Nhà nước và những người có thẩm quyền được quy định tại Điều 30 của Quy chế này, để được xác minh, xử lý theo quy định.

2. Các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm tiếp nhận thông tin được quy định tại Điều 30 của Quy chế này phải lập hộp thư thoại; số điện thoại đường dây nóng; hộp thư điện tử; số tiếp nhận thông tin tại trụ sở cơ quan, đơn vị; đồng thời, có kế hoạch tổ chức, phân công lịch trực, người trực tiếp nhận thông tin phản ánh, theo dõi và xử lý thông tin phản ánh các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng theo quy định.

3. Các cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận thông tin được quy định tại Điều 30 của Quy chế này phải công bố số điện thoại cá nhân và đảm bảo liên lạc 24/24 giờ, để kịp thời tiếp nhận thông tin phản ánh các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng

và chỉ đạo xử lý theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng ứng dụng Phần mềm trực tuyến để tiếp nhận ý kiến phản ánh của người dân về quy hoạch, đất đai và trật tự xây dựng trên địa bàn.

### **Điều 30. Trách nhiệm tiếp nhận thông tin phản ánh**

1. Các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm tiếp nhận thông tin:

- a) Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Đội Thanh tra địa bàn huyện - quận;
- c) Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- d) Thanh tra Sở Xây dựng;
- đ) Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố;
- e) Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố;
- g) Ban Quản lý Phát triển đô thị thành phố.

2. Các cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận thông tin:

- a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Đội trưởng Đội Thanh tra địa bàn huyện - quận;
- c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- d) Chánh Thanh tra Sở Xây dựng;
- đ) Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố;
- e) Trưởng Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố;
- g) Trưởng Ban Quản lý Phát triển đô thị thành phố.

### **Điều 31. Trách nhiệm xử lý thông tin phản ánh**

1. Ngay sau khi tiếp nhận thông tin, các cơ quan và cá nhân có trách nhiệm quy định tại Điều 30 của Quy chế này, có trách nhiệm kịp thời phân công thanh tra viên, cán bộ, công chức, nhân viên thuộc quyền được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng kịp thời kiểm tra, xác minh, xử lý theo quy định và báo cáo kết quả trong ngày.

2. Trong trường hợp thông tin về một công trình vi phạm trật tự xây dựng được

phản ánh đến nhiều cơ quan, cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận thông tin thì thông tin phản ánh đó phải được chuyển tiếp đến người có trách nhiệm kiểm tra, xử lý công trình xây dựng theo quy định tại Điều 32 của Quy chế này. Việc chuyển tiếp thông tin phải được cập nhật vào sổ tiếp nhận thông tin để theo dõi và xử lý theo quy định.

#### **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM KIỂM TRA, PHÁT HIỆN, NGĂN CHẶN VÀ XỬ LÝ CÔNG TRÌNH VI PHẠM TRẬT TỰ XÂY DỰNG**

#### **Điều 32. Trách nhiệm kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng**

1. Thanh tra viên, cán bộ, công chức và nhân viên được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng có trách nhiệm kiểm tra, phát hiện và báo cáo kịp thời những vi phạm trật tự xây dựng thuộc địa bàn được giao nhiệm vụ quản lý hoặc có biện pháp xử lý kịp thời vi phạm trật tự xây dựng thuộc thẩm quyền theo đúng quy định pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý đối với:

a) Công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng theo quy định; công trình xây dựng lấn chiếm hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch, đầm, hồ công cộng; công trình xây dựng trên đất không được phép xây dựng theo quy định pháp luật.

b) Công trình sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong công trình không làm thay đổi kết cấu chịu lực, không làm thay đổi công năng sử dụng, không làm ảnh hưởng tới môi trường, an toàn công trình.

c) Công trình sửa chữa, cải tạo làm thay đổi kiến trúc mặt ngoài không tiếp giáp với đường trong đô thị có yêu cầu về quản lý kiến trúc.

d) Công trình hạ tầng kỹ thuật ở nông thôn chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và ở khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn được duyệt.

đ) Công trình xây dựng ở nông thôn thuộc khu vực chưa có quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt; nhà ở riêng lẻ ở nông thôn, trừ nhà

ở riêng lẻ xây dựng trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý (trong khi chờ Đề án thí điểm Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện - quận được phê duyệt, Đội Thanh tra địa bàn huyện - quận là đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân huyện - quận thực hiện công tác này) đối với:

a) Nhà ở riêng lẻ, công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng.

b) Dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư.

c) Nhà ở thuộc dự án phát triển đô thị, dự án phát triển nhà ở có quy mô dưới 7 tầng và tổng diện tích sàn dưới 500m<sup>2</sup> có quy hoạch chi tiết 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

d) Công trình, bộ phận công trình xây dựng phát sinh sau khi công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng theo giấy phép xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp hoặc đã được cập nhật giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản.

đ) Công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thuộc dự án đầu tư xây dựng phát triển nhà ở hoặc khu đô thị.

4. Thanh tra Sở Xây dựng chịu trách nhiệm kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý đối với:

a) Công trình xây dựng do Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng hoặc thẩm định, phê duyệt.

b) Công trình xây dựng do các Bộ và cơ quan ngang Bộ phê duyệt; do các Sở chuyên ngành cấp hoặc phê duyệt (trừ công trình thuộc bí mật Nhà nước; công trình quốc phòng, an ninh; công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp; công trình nằm trên địa bàn của hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên).

5. Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng đối với công trình do Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố cấp giấy phép xây dựng, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng.

### **Điều 33. Trách nhiệm lập biên bản vi phạm hành chính**

1. Công chức địa chính xây dựng cấp xã lập biên bản vi phạm hành chính đối với công trình xây dựng quy định tại Khoản 2, Điều 32 Quy chế này.

a) Trường hợp lập biên bản vi phạm hành chính đối với các công trình thuộc trách nhiệm quản lý mà việc xử phạt vượt thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì trong thời gian 24 giờ, kể từ khi lập biên bản vi phạm hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải chuyển toàn bộ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đến Trưởng Phòng Quản lý đô thị cấp huyện để kiểm tra, rà soát và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Nếu hành vi vi phạm vượt thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thì trong thời gian 24 giờ, kể từ khi lập biên bản vi phạm hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải chuyển toàn bộ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đến Trưởng Phòng Quản lý đô thị để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

b) Trong trường hợp phát hiện công trình xây dựng vi phạm thuộc trách nhiệm của công chức Đội Thanh tra địa bàn lập biên bản vi phạm hành chính mà công chức Đội Thanh tra địa bàn buông lỏng, không kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính thì công chức địa chính xây dựng cấp xã lập biên bản vi phạm hành chính và tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý theo thẩm quyền; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị Chánh Thanh tra Sở Xây dựng chỉ đạo kiểm điểm làm rõ trách nhiệm và xử lý theo quy định.

2. Công chức Đội Thanh tra địa bàn lập biên bản vi phạm hành chính đối với công trình xây dựng quy định tại Khoản 3, Điều 32 Quy chế này.

a) Đội Thanh tra địa bàn lập biên bản vi phạm hành chính đối với công trình xây dựng quy định tại Khoản 3, Điều 32 Quy chế này và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Trường hợp lập biên bản vi phạm hành chính đối với các công trình thuộc trách nhiệm quản lý mà việc xử phạt vượt thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thì trong thời gian 24 giờ, kể từ khi lập biên bản vi phạm hành chính,

Đội trưởng Đội Thanh tra địa bàn phải tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

c) Trong trường hợp phát hiện công trình xây dựng vi phạm thuộc trách nhiệm của công chức địa chính xây dựng cấp xã lập biên bản vi phạm hành chính mà công chức địa chính xây dựng cấp xã buông lỏng, không kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính thì Đội Thanh tra địa bàn lập biên bản vi phạm hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp vượt quá thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; đồng thời, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo kiểm điểm làm rõ trách nhiệm và xử lý theo quy định đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Công chức, thanh tra viên thuộc Thanh tra Sở Xây dựng lập biên bản vi phạm hành chính đối với công trình theo quy định tại Khoản 4, Điều 32 Quy chế này.

Trường hợp lập biên bản vi phạm hành chính đối với các công trình thuộc trách nhiệm quản lý mà việc xử phạt vượt thẩm quyền xử phạt của Chánh Thanh tra Sở Xây dựng thì Chánh Thanh tra Sở Xây dựng phải tham mưu Giám đốc Sở Xây dựng báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xử phạt theo quy định.

4. Công chức thuộc Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng lập biên bản vi phạm hành chính đối với các công trình do Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố cấp giấy phép xây dựng hoặc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng.

a) Sau khi lập biên bản vi phạm hành chính, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố chuyển toàn bộ hồ sơ xử lý vi phạm đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét, xử phạt theo quy định. Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ xử lý vi phạm.

b) Trường hợp lập biên bản vi phạm hành chính đối với các công trình thuộc trách nhiệm quản lý mà việc xử phạt vượt thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban

nhân dân cấp huyện thì trong thời gian 07 ngày, kể từ khi lập biên bản vi phạm hành chính, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố phải chuyển toàn bộ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xử phạt theo quy định.

c) Trong trường hợp phát hiện công trình xây dựng vi phạm thuộc trách nhiệm của công chức thuộc Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố lập biên bản vi phạm hành chính mà công chức thuộc Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố buông lỏng, không kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính thì công chức Đội Thanh tra địa bàn lập biên bản vi phạm hành chính và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định; đồng thời, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo kiểm điểm làm rõ trách nhiệm và xử lý theo quy định.

### **Điều 34. Trách nhiệm theo dõi việc dừng thi công xây dựng công trình**

#### **1. Đối với công trình xây dựng quy định tại Khoản 2, Điều 32 Quy chế này**

Kể từ khi lập biên bản vi phạm hành chính và dừng thi công xây dựng công trình, Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi và thực hiện các biện pháp buộc chủ đầu tư ngừng thi công xây dựng để thực hiện các nội dung trong biên bản; trường hợp chủ đầu tư tiếp tục thi công xây dựng thì lập thủ tục đề xuất xử lý theo quy định.

Trường hợp việc xử lý vi phạm vượt quá thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, lập thủ tục đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý theo thẩm quyền.

#### **2. Đối với công trình theo quy định tại Khoản 3, Điều 32 Quy chế này**

Kể từ khi lập biên bản vi phạm hành chính và dừng thi công xây dựng công trình, công chức Đội Thanh tra địa bàn phối hợp và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, thực hiện các biện pháp buộc chủ đầu tư ngừng thi công xây dựng để thực hiện các nội dung trong biên bản; trường hợp chủ đầu tư tiếp tục thi công xây dựng thì lập thủ tục đề xuất xử lý theo quy định.

#### **3. Đối với công trình theo quy định tại Khoản 4, Điều 32 Quy chế này**

Kể từ khi lập biên bản vi phạm hành chính và dừng thi công xây dựng công trình, Thanh tra Sở Xây dựng phối hợp và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi

và thực hiện các biện pháp buộc chủ đầu tư ngừng thi công xây dựng để thực hiện các nội dung trong biên bản; trường hợp chủ đầu tư tiếp tục thi công xây dựng thì lập thủ tục đề xuất xử lý theo quy định.

4. Đối với các công trình do Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố cấp giấy phép xây dựng hoặc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng.

Kể từ khi lập biên bản vi phạm hành chính và dừng thi công xây dựng công trình, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi và thực hiện các biện pháp buộc chủ đầu tư ngừng thi công xây dựng để thực hiện các nội dung trong biên bản; trường hợp chủ đầu tư tiếp tục thi công xây dựng thì lập thủ tục đề xuất xử lý theo quy định.

### **Điều 35. Xử phạt vi phạm hành chính công trình vi phạm trật tự xây dựng**

1. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Đối với các hành vi vi phạm hành chính vượt thẩm quyền của người xử phạt thì xử lý như sau:

a) Chánh Thanh tra Sở Xây dựng kiểm tra, rà soát hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, trình Giám đốc Sở Xây dựng báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xử phạt vi phạm hành chính đối với công trình vi phạm trật tự xây dựng vượt quá thẩm quyền của Chánh Thanh tra Sở Xây dựng (trình Ủy ban nhân dân thành phố trước 07 ngày làm việc, tính từ thời điểm hết thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

b) Đội trưởng Đội Thanh tra địa bàn kiểm tra, rà soát hồ sơ xử lý vi phạm, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với công trình vi phạm trật tự xây dựng vượt quá thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (thông qua Sở Xây dựng, toàn bộ hồ sơ liên quan và các dự thảo chuyển đến Sở Xây dựng trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính).

c) Trưởng Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, rà soát hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành

chính đối với những hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Điều 36. Trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, giám sát và tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (tại Điều này gọi chung là quyết định)**

1. Chánh Thanh tra Sở Xây dựng có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và tổ chức thi hành các quyết định do Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành; đồng thời, có trách nhiệm giúp Giám đốc Sở Xây dựng theo dõi, đôn đốc, giám sát Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các quyết định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc theo dõi và tổ chức thi hành các quyết định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành hoặc phân công Ủy ban nhân dân các xã ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện các quyết định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành; chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã thực hiện các quyết định do Ủy ban nhân dân xã ban hành; đồng thời, tổ chức thi hành các quyết định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và tổ chức thi hành các quyết định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành và theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thi hành các quyết định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

**Điều 37. Xử lý các công trình xây dựng có sự cố về chất lượng công trình; ảnh hưởng đến môi trường, cộng đồng dân cư**

Việc xử lý các công trình xây dựng có sự cố về chất lượng công trình; công trình ảnh hưởng đến chất lượng công trình lân cận; ảnh hưởng đến môi trường, cộng đồng dân cư phải tuân theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ, Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết

một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định 139/2017/NĐ-CP; Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định về quy trình giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THI HÀNH**

#### **Điều 38. Chế độ thông tin, giao ban và báo cáo**

##### **1. Chế độ thông tin**

a) Thanh tra Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Đội Thanh tra địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố, Ban Quản lý Phát triển đô thị thành phố có trách nhiệm cung cấp số điện thoại thường trực để thực hiện việc trao đổi thông tin phục vụ cho công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

b) Thanh tra Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Đội Thanh tra địa bàn định kỳ hàng tuần gửi Kế hoạch kiểm tra đến Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố, Ban Quản lý Phát triển đô thị thành phố (đối với các công trình trong địa giới hành chính mà Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố; Ban Quản lý Phát triển đô thị thành phố được giao quản lý) để phối hợp kiểm tra, xử lý; đồng thời, thông tin kết quả xử lý đến Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố, Ban Quản lý Phát triển đô thị thành phố để phối hợp trong công tác quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng.

##### **2. Chế độ giao ban**

a) Định kỳ hàng tháng, Chánh Thanh tra Sở Xây dựng tổ chức giao ban với các Đội thuộc Thanh tra Sở Xây dựng về công tác xử lý vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố, để kịp thời chỉ đạo xử lý, không để phát sinh phức tạp về tình hình vi phạm trật tự xây dựng hoặc kịp thời báo cáo Giám đốc Sở Xây dựng để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo thực hiện.

b) Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, tổ chức giao ban với Đội Thanh tra địa bàn và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác xử lý vi phạm trật tự đô thị và xây dựng trên địa bàn.

c) Định kỳ 3 tháng, Sở Xây dựng tổ chức giao ban công tác quản lý trật tự xây dựng với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố, Ban Quản lý Phát triển đô thị thành phố và các cơ quan có liên quan để đánh giá tình hình và đề ra biện pháp thực hiện nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

### 3. Chế độ báo cáo

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng tháng cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Thanh tra Sở Xây dựng về công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn, báo cáo gửi trước ngày 30 hàng tháng.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố, Ban Quản lý Phát triển đô thị thành phố có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng quý, năm cho Sở Xây dựng về công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn, báo cáo gửi trước ngày 05 của tháng đầu tiên quý tiếp theo (đối với báo cáo quý), trước ngày 05/01 của năm tiếp theo (đối với báo cáo năm).

### **Điều 39. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo phát sinh trong quá trình xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### **Điều 40. Khen thưởng**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng; nghiêm minh, trung thực trong thi hành công vụ; kiên quyết đấu tranh với các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực; tùy theo thành tích sẽ được biểu dương, khen thưởng theo quy định.

2. Những cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin chính xác, tích cực phối hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng được biểu dương, khen thưởng theo quy định.

3. Tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố sẽ được xem xét khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật và Ủy ban nhân dân thành phố về công tác thi đua, khen thưởng.

#### **Điều 41. Kỷ luật**

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý trật tự xây dựng.

2. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trật tự xây dựng, thanh tra viên, cán bộ, công chức, nhân viên được giao nhiệm vụ kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng, nếu vi phạm một trong những nội dung sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật:

a) Thiếu tinh thần trách nhiệm, buông lỏng quản lý hoặc có dấu hiệu bao che, tiếp tay cho vi phạm.

b) Không phát hiện, xử lý hoặc xử lý không kịp thời theo thẩm quyền đối với các thông tin phản ánh về công trình vi phạm trật tự xây dựng, để xảy ra hậu quả nghiêm trọng.

c) Không phối hợp hoặc thiếu trách nhiệm trong công tác phối hợp xử lý công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng để xảy ra hậu quả nghiêm trọng.

d) Không thực hiện, thực hiện không kịp thời các biện pháp ngừng thi công, đình chỉ thi công hoặc dung túng, tiếp tay cho hành vi vi phạm để công trình tiếp tục xây dựng.

đ) Không thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

e) Những hành vi vi phạm khác theo quy định pháp luật.

#### **3. Xử lý kỷ luật**

a) Người có hành vi vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định.

b) Trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý kỷ luật cán bộ được thực hiện theo quy định.

**Điều 42. Trách nhiệm triển khai thực hiện công tác tuyên truyền pháp luật và thực hiện Quy chế**

1. Hội đồng phối hợp, phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố tăng cường tuyên truyền, giáo dục, vận động các cá nhân, tổ chức và cơ quan chấp hành quy định pháp luật về xây dựng.

2. Giám đốc các Sở, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Trưởng Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố, Trưởng Ban Quản lý Phát triển đô thị thành phố, Chánh Thanh tra Sở Xây dựng, Đội Thanh tra địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, và các tổ chức có liên quan có trách nhiệm phổ biến, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này đến tất cả cán bộ, công chức, nhân viên, người lao động trong phạm vi quản lý của mình.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng, để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế này theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2019/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2019*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của  
Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4730/TTr-SNV ngày 19 tháng 11 năm 2019, Chủ nhiệm Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố tại Tờ trình số 507/TTr-UBNDV-TH ngày 17 tháng 9 năm 2019 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 2111/STP-VB ngày 17 tháng 4 năm 2019.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2019. Quyết định này thay thế Quyết định số 33/2009/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ nhiệm Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên

quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Về tổ chức và hoạt động của**

### **Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND*

*ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

### *Chương I*

## **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1.**

1. Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác trong lĩnh vực công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố. Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước để hoạt động theo quy định của nhà nước.

Trụ sở làm việc của Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố đặt tại số 147 đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.39304522; Fax: 028.39306367.

Thư điện tử: [ovc@tphcm.gov.vn](mailto:ovc@tphcm.gov.vn)

3. Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố có tên gọi bằng tiếng Anh là OVERSEAS VIETNAMESE COMMITTEE OF HO CHI MINH CITY.

**Điều 2.** Chủ nhiệm Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về toàn bộ kết quả hoạt động của Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố trên các mặt công tác của Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố được quy định trong Quyết định này.

## **Chương II** **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

**Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố**

### **1. Về công tác tham mưu**

a) Trình Ủy ban nhân dân thành phố các dự thảo chương trình, kế hoạch về công tác đối với Người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn thành phố.

b) Trình Ủy ban nhân dân thành phố các dự thảo văn bản kiến nghị bổ sung, sửa đổi liên quan đến chủ trương, chính sách đối với Người Việt Nam ở nước ngoài để Ủy ban nhân dân thành phố xem xét trình cấp có thẩm quyền quyết định.

c) Phối hợp với các sở - ban - ngành dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố có liên quan đến Người Việt Nam ở nước ngoài.

### **2. Về công tác thông tin, tuyên truyền**

a) Nghiên cứu, khảo sát, nắm tình hình Người Việt Nam ở nước ngoài tại thành phố và ở nước ngoài; cung cấp thông tin có liên quan đến Người Việt Nam ở nước ngoài và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức có liên quan phối hợp công tác khi có yêu cầu.

b) Phối hợp các sở - ban - ngành, địa phương, các tổ chức liên quan thông tin tuyên truyền về đường lối; chính sách của Đảng; pháp luật của nhà nước; về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước, của thành phố đến Người Việt Nam ở nước ngoài và thân nhân trong nước.

c) Phối hợp tổ chức các cuộc họp mặt truyền thống hàng năm giữa thanh thiếu niên kiều bào, du học sinh với thanh thiếu niên thành phố và họp mặt kiều bào.

### **3. Về công tác chính sách đối với Người Việt Nam ở nước ngoài**

a) Chủ trì phối hợp với các sở - ban - ngành, địa phương tổ chức triển khai thực

hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, nhà nước, chương trình, kế hoạch và nội dung chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố về công tác đối với Người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn thành phố.

b) Chủ động phối hợp các cơ quan, đơn vị, các tổ chức liên quan thực hiện các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ những vướng mắc, giải đáp những thắc mắc, giải quyết hoặc đề nghị giải quyết những kiến nghị cụ thể của Người Việt Nam ở nước ngoài liên quan đầu tư, kinh doanh, hợp tác kinh tế, khoa học, công nghệ, giáo dục đào tạo, văn hóa - xã hội, cư trú và những quyền lợi hợp pháp khác tại thành phố và trong nước.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét khen thưởng hoặc đề nghị Trung ương khen những cá nhân, tổ chức Người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích góp phần xây dựng, phát triển thành phố, đất nước và những cá nhân, tập thể trong nước có thành tích về công tác đối với Người Việt Nam ở nước ngoài.

d) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo dõi và chỉ đạo việc thực hiện các chính sách chế độ nhà nước đối với kiều bào đã hồi hương về nước tham gia xây dựng đất nước.

đ) Đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban Nhà nước về Người Việt Nam ở nước ngoài những vấn đề cần giải quyết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho kiều bào hồi hương ổn định công tác và đời sống.

e) Kết hợp với các cơ quan ban, ngành và chức năng khác để có cơ sở xác nhận những đóng góp của kiều bào đối với công cuộc xây dựng bảo vệ đất nước.

#### **4. Về thu hút và phát huy tiềm năng của Người Việt Nam ở nước ngoài**

a) Làm cầu nối giới thiệu những cá nhân, tổ chức của Người Việt Nam ở nước ngoài có khả năng hợp tác, đóng góp trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, văn hóa - xã hội... tiếp xúc, hợp tác với các ngành, các cấp, các đơn vị thuộc thành phố và các địa phương ở phía Nam có nhu cầu hoặc ngược lại.

b) Đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố cho phép kiều bào đầu tư về nước bằng nhiều hình thức thích hợp, rộng rãi, kể cả thành lập các công ty, xí nghiệp sản xuất kinh doanh, trường học...

c) Phối hợp tổ chức các cuộc gặp gỡ, giao lưu, hội thảo, góp ý của chuyên gia, trí thức, doanh nhân Người Việt Nam ở nước ngoài tại thành phố nhằm góp phần xây

dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách về đối ngoại, chính trị, kinh tế, khoa học, giáo dục, văn hóa - xã hội... của thành phố và cả nước.

d) Liên hệ với các tổ chức, cá nhân Người Việt Nam ở nước ngoài trong và ngoài nước để hợp tác, hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố theo quy định của pháp luật.

đ) Thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu về trí thức, doanh nhân, Người Việt Nam ở nước ngoài; quản lý, khai thác, sử dụng phục vụ công tác đối với Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố.

e) Được yêu cầu các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện cung cấp, trao đổi thông tin về các vấn đề có liên quan đến Người Việt Nam ở nước ngoài để phục vụ công tác đối với Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố.

g) Được liên hệ với cộng đồng Người Việt Nam ở nước ngoài theo quy định hiện hành của nhà nước để trao đổi gửi sách, báo, tài liệu, văn hóa phẩm, đồng thời tiếp nhận các sách, báo, tài liệu, văn hóa phẩm ở nước ngoài cần thiết cho công tác nghiên cứu của Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố.

## **5. Về quản lý nhà nước đối với công tác về Người Việt Nam ở nước ngoài**

a) Quản lý nhà nước đối với các tổ chức xã hội có thành viên là Người Việt Nam ở nước ngoài; thân nhân Người Việt Nam ở nước ngoài địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

b) Tham gia các đoàn kiểm tra liên ngành đối với các cơ sở hoạt động có liên quan đến Người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn thành phố khi được yêu cầu của các cơ quan chức năng.

c) Tham gia ý kiến trong việc xử lý các vi phạm có liên quan đến Người Việt Nam ở nước ngoài khi nhận được yêu cầu của các cơ quan chức năng.

d) Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các chính sách liên quan đến Người Việt Nam ở nước ngoài do Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền hoặc thuộc thẩm quyền.

## **6. Các công tác khác**

a) Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, tài sản; thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức thuộc Ủy ban về Người Việt Nam ở

nước ngoài thành phố theo quy định.

b) Thực hiện công tác thông tin báo cáo định kỳ và đột xuất về công tác đối với Người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn thành phố theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng công tác đối với Người Việt Nam ở nước ngoài cho cán bộ phụ trách công tác vận động kiều bào và thân nhân ở quận - huyện, phường - xã, thị trấn.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

**Điều 4.** Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố làm việc theo chế độ thủ trưởng. Chủ nhiệm Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của đơn vị; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng nhân dân thành phố; là chủ tài khoản cơ quan Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố.

Phó Chủ nhiệm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ nhiệm; Phó Chủ nhiệm là người giúp Chủ nhiệm chỉ đạo một hoặc một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Chủ nhiệm và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công; khi Chủ nhiệm vắng mặt hoặc khi cần thiết, một Phó Chủ nhiệm được Chủ nhiệm ủy nhiệm điều hành hoạt động của Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho từ chức, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

Chủ nhiệm quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố trừ các chức danh do Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Giám đốc Sở Nội vụ bổ nhiệm theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 5. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố**

1. Lãnh đạo Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố có Chủ nhiệm và không quá 03 Phó Chủ nhiệm.

2. Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố có 04 phòng, gồm:

- a) Văn phòng;
- b) Phòng Tổ chức cán bộ và Chính sách;
- c) Phòng Kinh tế Khoa học Công nghệ;
- d) Phòng Văn hóa Thông tin Xã hội.

3. Biên chế công chức của Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố quyết định trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài xây dựng kế hoạch biên chế công chức theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

## **Chương IV MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

**Điều 6. Đối với Ủy ban nhân dân thành phố**

1. Chủ nhiệm Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình và kết quả tổ chức hoạt động của đơn vị; dự các cuộc họp do Ủy ban nhân dân thành phố triệu tập; thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố đối với công tác về Người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn thành phố.

2. Chủ nhiệm Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố báo cáo, xin chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố để giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

**Điều 7. Đối với các sở - ban - ngành thành phố**

1. Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố quan hệ với các sở - ban - ngành thành phố trên nguyên tắc phối hợp công việc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố nhằm thực hiện tốt công việc chung của thành phố và nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị đối với Người Việt Nam ở nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các vấn đề do Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố có liên quan đến sở - ngành khác, phải có ý kiến chính thức của các sở - ngành bằng văn bản. Nếu còn có ý kiến khác nhau trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

3. Phối hợp với các ngành chức năng thành phố để được cung cấp tình hình, nội dung, kế hoạch và kết quả làm việc với cá nhân, tổ chức kiều bào.

**Điều 8. Đối với Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn**

1. Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn thực hiện các nội dung về công tác đối với Người Việt Nam ở nước ngoài tại quận - huyện. Hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ cho các cơ quan, cán bộ được phân công phụ trách công tác về Người Việt Nam ở nước ngoài.

2. Khi cần thiết, Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố trực tiếp làm việc với Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn để giải quyết các công việc liên quan đến Người Việt Nam ở nước ngoài tại địa phương.

**Điều 9. Đối với các tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các đoàn thể thành phố và các đơn vị kinh tế, các tổ chức khác**

1. Đối với các Ban của Thành ủy, Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố có mối quan hệ trực tiếp để báo cáo, tiếp nhận những định hướng, chỉ đạo của Thành ủy.

Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể thành phố có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công tác của Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố nhằm thực hiện tốt các chính sách đối với Người Việt nam ở nước ngoài trên địa bàn thành phố.

2. Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố chịu sự quản lý, hướng dẫn và giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thuộc Ủy ban nhân

dân thành phố trong các lĩnh vực như kế hoạch, tài chính, nghiên cứu khoa học, tổ chức cán bộ... phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với các đơn vị kinh tế, các tổ chức, đoàn thể, văn hóa thuộc thành phố để được cung cấp tình hình, nội dung, kế hoạch và kết quả làm việc với cá nhân, tổ chức kiều bào.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 10. Trách nhiệm thi hành**

1. Căn cứ Quy chế này, Chủ nhiệm Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố chịu trách nhiệm cụ thể hóa thành chương trình công tác, các hoạt động của cơ quan; ban hành Quy chế làm việc; tổ chức sắp xếp các phòng, bố trí cán bộ công chức phù hợp, đảm bảo các công tác về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố đạt hiệu quả.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Chủ nhiệm Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài thành phố chủ động phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN PHÚ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2019/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 09 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc bãi bỏ văn bản****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;**Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 1709 /TTr-PTP ngày 26 tháng 11 năm 2019.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

1. Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân;
2. Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú ban hành Quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú;
3. Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận Tân Phú;
4. Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Tân Phú;

5. Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú về việc ban hành Quy chế Bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn quận Tân Phú.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2019.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hứa Thị Hồng Đăng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2019/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 03 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc bãi bỏ văn bản****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Ủy*

*ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 906/TTr-TP ngày 26 tháng 11 năm 2019,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ ban hành, cụ thể như sau:

1. Quyết định số 11/2009/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về thành lập Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Cần Giờ.

2. Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Cần Giờ.

Lý do: Không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2019.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tư pháp, Trưởng phòng Nội vụ, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện Cần Giờ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Dũng**

## DANH MỤC

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BỊ BÃI BỎ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2019  
của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về việc bãi bỏ văn bản)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản	Ngày có hiệu lực	Lý do bãi bỏ
01	Quyết định	11/2009/QĐ-UBND Ngày 30 tháng 6 năm 2009	Quyết định về thành lập Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Cần Giờ	07/7/2009	- Căn cứ pháp lý ban hành văn bản đã hết hiệu lực thi hành. - Nội dung văn bản không còn phù hợp với quy định của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thông tư 16/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng.
02	Quyết định	01/2010/QĐ-UBND Ngày 19 tháng 01 năm 2010	Quyết định về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Cần Giờ	26/01/2010	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5086/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Quy chế tích hợp, quản lý, vận hành, khai thác Kho dữ liệu  
dùng chung của thành phố**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2018-2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Quy hoạch công nghệ thông tin thành phố đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 6179/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án “Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 4250/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử Thành phố Hồ Chí

Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 4804/KH-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về Triển khai xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và phát triển Hệ sinh thái dữ liệu mở của Thành phố Hồ Chí Minh (giai đoạn 1);

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 52/TTr-STTTT ngày 13 tháng 11 năm 2019,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tích hợp, quản lý, vận hành, khai thác Kho dữ liệu dùng chung của thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

## **QUY CHẾ TÍCH HỢP, QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC KHO DỮ LIỆU DÙNG CHUNG CỦA THÀNH PHỐ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5086/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2019  
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định việc tích hợp, quản lý, kết nối, chia sẻ, vận hành và khai thác Kho dữ liệu dùng chung thành phố.

2. Quy chế này không áp dụng đối với việc chia sẻ dữ liệu chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. Việc chia sẻ dữ liệu chứa thông tin bí mật nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến Kho dữ liệu dùng chung thành phố.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. *Kho Dữ liệu dùng chung thành phố* là nơi tích hợp các cơ sở dữ liệu của sở, ban, ngành, quận, huyện, làm cơ sở phục vụ cho công tác dự báo chiến lược phát triển của thành phố; cũng như triển khai các ứng dụng tích hợp phục vụ công tác điều hành tổng thể của các sở, ban, ngành, quận, huyện và của thành phố; là nền tảng dữ liệu để xây dựng chính quyền điện tử phục vụ quá trình chuyển đổi số, hướng đến mục tiêu xây dựng chính quyền số; được lưu trữ tại Trung tâm dữ liệu thành phố.

2. *Dữ liệu giao dịch* là dữ liệu phát sinh trong quá trình cơ quan thực hiện một giao dịch chuyên ngành hay giao dịch quản lý nội bộ đơn vị.

3. *Dữ liệu chuyên ngành* gồm dữ liệu giao dịch và các dữ liệu khác đặc thù cho hoạt động của 01 ngành.

4. *Dữ liệu dùng chung* là dữ liệu gốc; hình thành trong hoạt động của cơ quan nhà nước được chia sẻ và sử dụng nhiều lần bởi nhiều tổ chức, cá nhân.

5. *Dữ liệu danh mục dùng chung* là dữ liệu rất ít biến động, được các cơ quan thống nhất và sử dụng đồng bộ trong tất cả các hệ thống ứng dụng (ví dụ: mã dân tộc, mã giới tính, mã tỉnh/thành phố,...)

6. *Dữ liệu mở* là dữ liệu sẽ được chia sẻ cho người dân, tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp thông qua các dịch vụ dữ liệu mở để khai thác sử dụng để tạo giá trị gia tăng, góp phần phát triển kinh tế, xã hội cho thành phố.

7. *Quản lý Dữ liệu tổng thể (Master Data Management)* là quản lý tập trung thông tin về các dữ liệu dùng chung bao gồm định nghĩa, phân cấp, cấu trúc, xác nhận, phiên bản cùng với các thuộc tính về đặc tả chi tiết, bản dịch, tương quan, quan hệ thực thể và các thông tin về dữ liệu liên quan khác.

8. *Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu của thành phố (LGSP)* là nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu chứa các dịch vụ dùng chung để chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố và đóng vai trò trung gian phục vụ kết nối các hệ thống thông tin của thành phố với các hệ thống bên ngoài; mô hình kết nối của LGSP theo kiến trúc Chính phủ điện tử của thành phố, phù hợp Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

9. *Hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương (NGSP)* là hệ thống đóng vai trò trung gian phục vụ kết nối giữa các hệ thống thông tin lớn (hệ thống thông tin quốc gia; cơ sở dữ liệu quốc gia; hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ Trung ương đến địa phương), giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan cấp Bộ, cấp tỉnh khác nhau hoặc giữa các LGSP; mô hình kết nối của NGSP theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

#### **Điều 4. Giá trị pháp lý của dữ liệu được chia sẻ**

Giá trị pháp lý của dữ liệu được chia sẻ thực hiện theo quy định tại Mục 1, Chương II của Luật Giao dịch điện tử.

#### **Điều 5. Nguyên tắc chung**

1. Việc quản lý, tích hợp, chia sẻ, khai thác Kho dữ liệu dùng chung phải phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử thành phố.

2. Dữ liệu hình thành trong hoạt động của cơ quan nhà nước là tài sản của thành phố, cần được bảo tồn, chia sẻ và khai thác nhằm phục vụ các hoạt động của cơ quan

nhà nước hướng tới phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

3. Cơ quan nhà nước phải có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu dùng chung về Kho dữ liệu dùng chung của thành phố; không thu thập, tổ chức thu thập lại dữ liệu nếu đã được chia sẻ từ Kho dữ liệu dùng chung của thành phố, trừ trường hợp dữ liệu sẵn có không đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành đặc thù hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Dữ liệu dùng chung của thành phố cần được đồng bộ, thống nhất và có tài liệu mô tả chi tiết. Dữ liệu dùng chung cần được quản lý tập trung trong hệ thống Quản lý Dữ liệu tổng thể (Master Data Management) của thành phố.

5. Dữ liệu dùng chung của thành phố cần được chuẩn hoá theo đúng theo các yêu cầu của các Bộ ngành trung ương (nếu có) để có thể sẵn sàng tích hợp vào các cơ sở dữ liệu cấp Quốc gia khi có yêu cầu.

6. Dữ liệu dùng chung phải đảm bảo tính cập nhật và chính xác.

7. Việc quản lý, tích hợp, chia sẻ, khai thác Kho dữ liệu dùng chung phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

### **Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Cản trở hoạt động kết nối, quyền khai thác và sử dụng dữ liệu hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Mua bán, chia sẻ dữ liệu vi phạm quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Vi phạm các quy định về quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền tác giả khi kết nối, chia sẻ dữ liệu.

4. Làm sai lệch, giảm tính chính xác của dữ liệu trong quá trình kết nối, chia sẻ, khai thác Kho dữ liệu dùng chung.

5. Lưu trữ dữ liệu trái phép hoặc sử dụng dữ liệu vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

6. Phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin, làm gián đoạn việc kết nối, chia sẻ, khai thác Kho dữ liệu dùng chung.

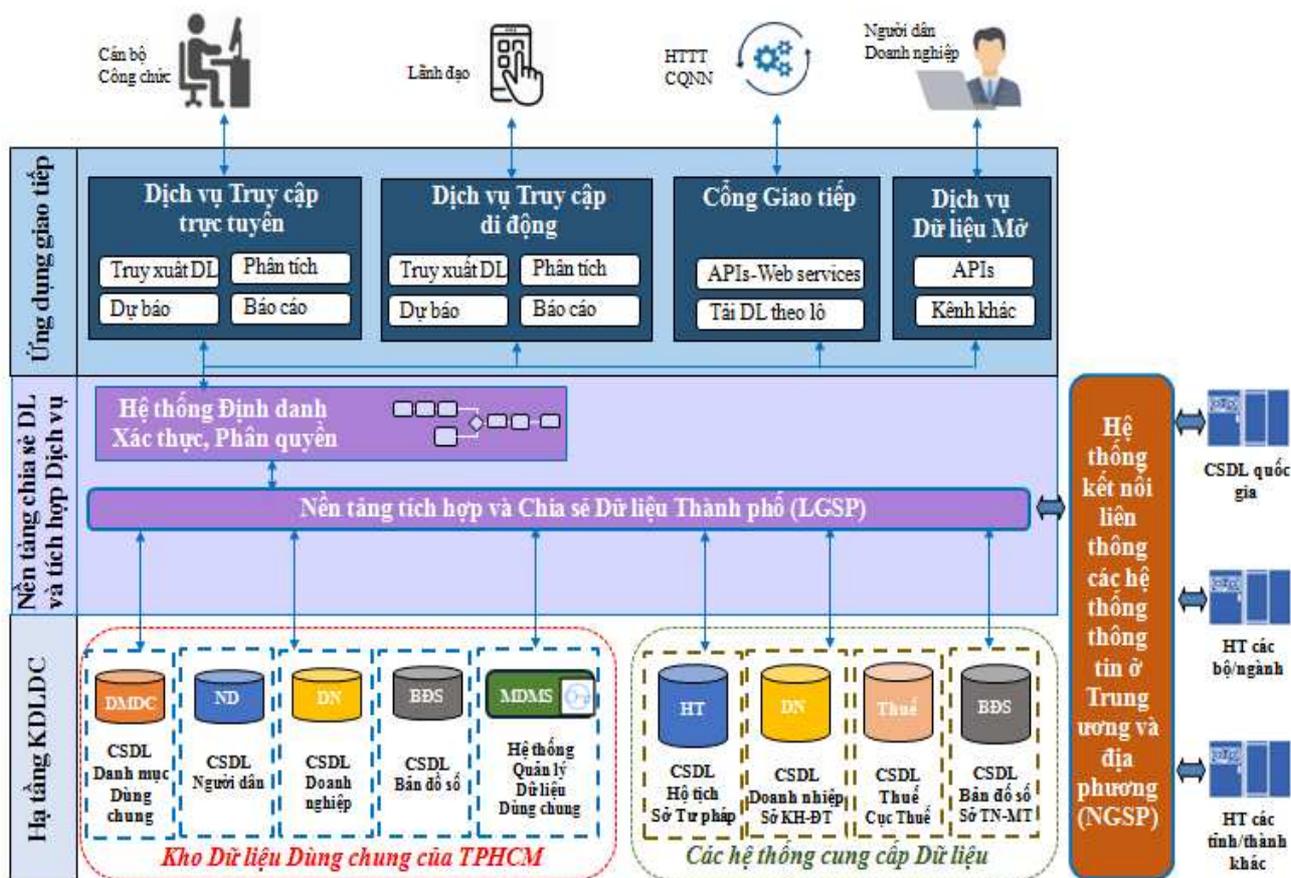
## CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### Điều 7. Địa chỉ truy cập Kho dữ liệu dùng chung thành phố

1. Các đơn vị thực hiện truy cập Kho dữ liệu dùng chung của thành phố thông qua Cổng thông tin dữ liệu của thành phố tại địa chỉ <https://data.hochiminhcity.gov.vn/> theo tài khoản được cấp phát và phân quyền truy cập dữ liệu.

2. Cổng thông tin dữ liệu của thành phố cung cấp các thông tin: các bộ dữ liệu được chia sẻ; mô tả cấu trúc dữ liệu; các hướng dẫn kỹ thuật để khai thác dữ liệu; các phương thức, giải pháp kỹ thuật để khai thác, sử dụng dữ liệu; thống kê khai thác dữ liệu.

### Điều 8. Mô hình Kho dữ liệu dùng chung



Kho dữ liệu dùng chung của thành phố xây dựng dựa trên các nền tảng là cơ sở dữ liệu người dân, cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu bản đồ số và cơ sở dữ

liệu danh mục dùng chung trên cơ sở tích hợp dữ liệu, chia sẻ, dùng chung các cơ sở dữ liệu tại các sở, ban, ngành, quận, huyện.

Việc tích hợp, kết nối, chia sẻ, sử dụng, khai thác Kho dữ liệu dùng chung đều được thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu của thành phố (LGSP) với cơ chế định danh, xác thực, phân quyền người sử dụng.

Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu của thành phố (LGSP) sẽ kết nối với Hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương (NGSP) để tích hợp, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, các hệ thống thông tin của các bộ, ngành, tỉnh, thành khác.

Việc truy cập, khai thác Kho dữ liệu dùng chung của thành phố sẽ được thực hiện qua các dịch vụ truy cập trực tuyến, di động, các giao diện lập trình ứng dụng (Application programming interface – APIs), các phương thức, giải pháp kỹ thuật khai thác dữ liệu khác.

Một phần của Kho dữ liệu dùng chung của thành phố sẽ được chia sẻ cho người dân, tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp thông qua các dịch vụ dữ liệu mở để khai thác sử dụng để tạo giá trị gia tăng, góp phần phát triển kinh tế, xã hội cho thành phố.

### **Điều 9. Danh mục dữ liệu dùng chung**

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành danh mục dữ liệu dùng chung trên Kho dữ liệu dùng chung. Danh mục dữ liệu bao gồm ít nhất các thông tin sau:

- Các thông tin, dữ liệu dùng chung.
- Đơn vị cung cấp, cập nhật dữ liệu.
- Hình thức cập nhật dữ liệu.
- Tần suất cập nhật dữ liệu.
- Đơn vị được khai thác, sử dụng dữ liệu.

### **Điều 10. Quy định về cung cấp, cập nhật dữ liệu trên Kho dữ liệu dùng chung**

Đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu có trách nhiệm tạo lập, duy trì, cập nhật dữ liệu cho các dịch vụ chia sẻ dữ liệu của thành phố, cung cấp các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu vào Kho dữ liệu dùng chung theo danh mục dữ liệu

dùng chung được quy định tại Điều 9.

### **Điều 11. Quy định về khai thác dữ liệu trên Kho dữ liệu dùng chung**

1. Các cơ quan nhà nước của thành phố đều có thể khai thác sử dụng thông tin trên Kho dữ liệu dùng chung vào mục đích phục vụ tác nghiệp và điều hành trong phạm vi chức năng của cơ quan mình. Đặc biệt là để cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp, nâng cao hiệu suất nghiệp vụ chuyên ngành và phục vụ lãnh đạo cơ quan ra chính sách và quyết định qua thống kê, phân tích, đánh giá, dự báo.

2. Các cơ quan nhà nước thành phố được cấp tài khoản và phân quyền khai thác, sử dụng dữ liệu dùng chung thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình. Việc khai thác dữ liệu dùng chung ngoài phạm vi quản lý cần phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Nghiêm cấm việc sử dụng số liệu từ Kho dữ liệu dùng chung vào mục đích cá nhân hay thương mại mà không được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép bằng văn bản, ngoại trừ các dữ liệu mở đã được công khai trên hệ thống ([data.hochiminhcity.gov.vn](http://data.hochiminhcity.gov.vn)).

4. Mọi vi phạm, hành vi đánh cắp dữ liệu, hành vi lạm dụng, sử dụng dữ liệu không phải vì mục đích phục vụ tác nghiệp và điều hành của cơ quan nhà nước hoặc sử dụng dữ liệu vì mục đích cá nhân hay thương mại mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố, phải được báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân thành phố và sẽ được xử lý nghiêm theo đúng quy định của pháp luật.

### **Điều 12. Quy định về công bố dữ liệu mở cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp**

1. Một phần của Kho dữ liệu dùng chung của thành phố sẽ được chia sẻ cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thông qua các dịch vụ dữ liệu mở để khai thác, tạo giá trị gia tăng, góp phần phát triển kinh tế, xã hội cho thành phố.

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy chế về quản lý, sử dụng dữ liệu mở.

### **Điều 13. Quy định về đảm bảo an toàn thông tin Kho dữ liệu dùng chung**

1. Các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến Kho dữ liệu dùng chung

phải tuân thủ Quy chế về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố.

2. Việc kết nối, chia sẻ, khai thác Kho dữ liệu dùng chung chỉ được thực hiện thông qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của thành phố.

3. Các hoạt động thay đổi về dữ liệu phải được ghi vào nhật ký của Kho dữ liệu dùng chung.

#### **Điều 14. Kinh phí bảo đảm Kho dữ liệu dùng chung**

1. Ngân sách nhà nước thành phố đảm bảo cho hoạt động của Kho dữ liệu dùng chung.

2. Ngoài kinh phí do ngân sách nhà nước thành phố bảo đảm, các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố được sử dụng các nguồn hợp pháp khác để thực hiện tạo lập dữ liệu, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu từ Kho dữ liệu dùng chung.

### **CHƯƠNG III. TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC QUẢN LÝ, TÍCH HỢP, VẬN HÀNH, KHAI THÁC KHO DỮ LIỆU DÙNG CHUNG CỦA THÀNH PHỐ**

#### **Điều 15. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

Sở Thông tin và Truyền thông là đầu mối điều phối công tác vận hành, quản lý và khai thác Kho dữ liệu dùng chung phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của các đơn vị sử dụng và theo quy định của pháp luật, dưới sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể như sau:

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch tích hợp, triển khai Kho dữ liệu dùng chung hàng quý, hàng năm; công bố, cập nhật, sửa đổi, bổ sung danh mục dữ liệu phải chia sẻ dữ liệu dùng chung giữa các cơ quan nhà nước thành phố nhằm phục vụ cho công tác tác nghiệp, quản lý, chỉ đạo điều hành của đơn vị.

2. Ban hành các tài liệu hướng dẫn liên quan đến cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật, tích hợp, quản lý, khai thác Kho dữ liệu dùng chung của thành phố.

3. Cấp phát, quản lý tài khoản sử dụng Kho dữ liệu dùng chung; định kỳ rà soát

các tài khoản truy cập Kho dữ liệu dùng chung.

4. Chủ trì, tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát việc tích hợp, cập nhật dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung của thành phố. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo định kỳ 3 tháng, năm và đề xuất các cơ chế chính sách cần thiết để đảm bảo hiệu quả của việc triển khai, vận hành Kho dữ liệu dùng chung của thành phố.

5. Đảm bảo hạ tầng và an toàn an ninh vận hành Kho dữ liệu dùng chung của thành phố.

#### **Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí hàng năm cho các đơn vị để triển khai các nhiệm vụ xây dựng, tích hợp, quản lý, vận hành và khai thác Kho dữ liệu dùng chung của thành phố.

#### **Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị chủ quản dữ liệu, cung cấp dữ liệu**

1. Phân công 01 cán bộ lãnh đạo làm đầu mối để phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến quản lý và chia sẻ dữ liệu dùng chung.

2. Tạo lập, duy trì, cập nhật dữ liệu cho các dịch vụ chia sẻ dữ liệu của thành phố, cung cấp các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu vào Kho dữ liệu dùng chung theo danh mục dữ liệu dùng chung được quy định tại Điều 8.

3. Bảo đảm việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung kịp thời, nhất quán, chính xác, đầy đủ và liên tục, theo đó các dữ liệu phát sinh mới phải được cập nhật về Kho dữ liệu dùng chung theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và tần suất cập nhật theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

4. Khi triển khai các kế hoạch tạo lập cơ sở dữ liệu phải thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật của Sở Thông tin và Truyền thông.

5. Thường xuyên cung cấp thông tin cho Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình và tiến độ triển khai cơ sở dữ liệu chuyên ngành; đồng thời, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, cung cấp các tài liệu kỹ thuật cần thiết để thực hiện tích hợp cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Kho dữ liệu dùng chung nhằm phục vụ cho công tác chia sẻ, khai thác.

**Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị sử dụng dữ liệu**

1. Phân công 01 cán bộ lãnh đạo làm đầu mối để phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến tiếp nhận và khai thác Kho dữ liệu dùng chung của thành phố.
2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân chỉ sử dụng dữ liệu được chia sẻ phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và trong quá trình thực thi công vụ.
3. Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin của dữ liệu trích xuất từ Kho Dữ liệu dùng chung, tuyệt đối không rò rỉ, chia sẻ thông tin với đơn vị bên ngoài nếu không có chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.
4. Thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông trong trường hợp phát hiện các vấn đề ảnh hưởng đến kết nối, chia sẻ dữ liệu số, dữ liệu không chính xác, không được cập nhật kịp thời.

**CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 19. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Các đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tuân thủ và thực hiện Quy chế này sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định.
2. Mọi hành vi vi phạm các điều khoản trong Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 20. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện Quy chế này tại đơn vị.
2. Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy chế này.
3. Định kỳ 3 tháng, các đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) về tình hình triển khai xây dựng, chia sẻ, khai thác dữ liệu; đồng thời đề xuất các yêu cầu phát triển, mở rộng danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung nhằm phục vụ cho công tác tác nghiệp, quản lý của đơn vị.

---

4. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng